

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TAI MŨI HỌNG

Số: 452/QĐ-BVTMH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành bảng giá phẫu thuật theo yêu cầu
tại Bệnh viện Tai Mũi Họng.

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN TAI MŨI HỌNG

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Luật giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023;

Căn cứ Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 về Danh mục kỹ thuật chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;

Căn cứ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu và khả năng cung cấp dịch vụ của Bệnh viện Tai Mũi Họng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bảng giá phẫu thuật theo yêu cầu (danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **04/06/2026** và thay thế Quyết định số 856/QĐ-BVTMH ngày 21/10/2025.

Điều 3. Đối với người bệnh đang điều trị trước thời điểm thực hiện mức giá theo Quyết định này: tiếp tục được áp dụng mức giá trước thời điểm thực hiện mức giá này cho đến khi kết thúc việc điều trị hoặc ra viện.

Điều 4. Các ông, bà Trưởng/Phó khoa, phòng và toàn thể viên chức, người lao động Bệnh viện Tai Mũi Họng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, "TCKT (NHMC/06b)"
NMQ".



Lê Trần Quang Minh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 05 năm 2026

BẢNG GIÁ PHẪU THUẬT THEO YÊU CẦU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 452/QĐ-BVTMH ngày 28 tháng 05 năm 2026
và thực hiện kể từ ngày 04/06/2026)

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ	Chi phí phẫu thuật theo yêu cầu BVTMH
VỀ TRONG NGÀY			
1	15.0359.2036	Phẫu thuật cắt Amidan bằng plasma	10.029.000
2	15.0150.0871	Phẫu thuật cắt Amidan bằng sóng cao tần	7.852.000
3	03.2241.0871	Cắt Amidan bằng máy [Coblator]	7.852.000
4	15.0149.0870	Phẫu thuật cắt Amidan	5.742.000
5	15.0149.0937	Phẫu thuật cắt Amidan [dao điện]	7.236.000
6	15.0155.0958	Phẫu thuật nạo VA nội soi	8.690.000
7	15.0360.0977	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng plasma (gây mê)	10.169.000
8	15.0209.0996	Cắt phanh lưỡi [gây mê]	3.533.000
9	15.0209.1041	Cắt phanh lưỡi [không gây mê]	3.072.000
10	15.0043.0874	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài [gây mê]	6.050.000
11	15.0043.0875	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài [gây tê]	4.980.000
12	15.0045.0909	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai, u bã đậu dái tai [gây mê]	5.578.000
13	15.0045.0910	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai, u bã đậu dái tai [gây tê]	4.625.000
14	15.0046.0872	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ [gây tê]	3.575.000
15	15.0046.0954	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ [gây mê]	7.342.000
16	15.0148.0966	Phẫu thuật chỉnh hình họng màn hầu lưỡi gà (UPPP)	15.552.000
17	15.0049.0971	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ	7.064.000
18	15.0159.0965	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng/hố lưỡi thanh thiệt	8.054.000
19	15.0166.0978	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xơ/u hạt dây thanh (gây tê/gây mê)	8.998.000
PHẪU THUẬT TAI			
20	15.0021.0987	Phẫu thuật tiết căn xương chũm	15.120.000
21	15.0022.0374	Phẫu thuật nội soi tiết căn xương chũm	17.051.000
22	15.0027.0911	Mở sào bào	11.421.000
23	15.0028.0911	Mở sào bào, thượng nhĩ	11.421.000
24	15.0029.0911	Mở sào bào thượng nhĩ, vá nhĩ	11.975.000
25	15.0031.0881	Chỉnh hình tai giữa có tái tạo chuỗi xương con	14.102.000
26	15.0032.0997	Chỉnh hình tai giữa không tái tạo chuỗi xương con	12.218.000
27	15.0034.0997	Vá nhĩ đơn thuần	11.016.000
28	15.0035.0971	Phẫu thuật vá nhĩ bằng nội soi	9.856.000
29	03.2111.0981	Phẫu thuật tái tạo hệ thống truyền âm	19.549.000

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ	Chi phí phẫu thuật theo yêu cầu BVTMH
30	15.0020.0911	Phẫu thuật xương chũm đơn thuần	11.059.000
31	15.0023.0987	Phẫu thuật tiết căn xương chũm cải biên	12.537.000
32	15.0024.0374	Phẫu thuật nội soi tiết căn xương chũm cải biên	24.400.000
PHẪU THUẬT MŨI XOANG, THANH QUẢN, ĐÀU CỔ			
33	15.0074.1081	Phẫu thuật xoang trán đường ngoài (phẫu thuật Jacques)	11.328.000
34	15.0075.0969	Phẫu thuật nội soi mở xoang trán	10.804.000
35	15.0077.0978	Phẫu thuật nội soi mở xoang sàng	11.794.000
36	15.0078.0978	Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm	12.852.000
37	15.0079.0969	Phẫu thuật nội soi mở xoang bướm	12.540.000
38	15.0081.0919	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi [gây tê]	3.264.000
39	15.0081.0918	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi [gây mê]	3.869.000
40	15.0084.0974	Phẫu thuật nội soi mở các xoang sàng, hàm, trán, bướm	20.602.000
41	15.0086.1001	Phẫu thuật cắt u nang răng sinh, u nang sàn mũi	7.598.000
42	15.0103.0942	Phẫu thuật cắt xoang hơi cuộn mũi giữa	8.317.000
43	15.0106.0969	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuộn mũi dưới	8.448.000
44	15.0107.0969	Phẫu thuật cuộn mũi dưới bằng sóng cao tần	8.448.000
45	15.0108.0969	Phẫu thuật chỉnh hình cuộn mũi dưới bằng laser	8.448.000
46	15.0109.0969	Phẫu thuật nội soi cắt cuộn dưới	8.448.000
47	15.0113.0970	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi	9.209.000
48	15.0125.1001	Phẫu thuật xoang hàm Caldwell-Luc	7.532.000
49	15.0296.0980	Phẫu thuật rò xoang lê	16.827.000
50	03.0997.0931	Nội soi mũi, họng có sinh thiết [gây mê]	4.486.000
51	15.0090.0956	Phẫu thuật mở cạnh mũi	12.244.000
52	15.0091.0961	Phẫu thuật nội soi cắt u mũi xoang	16.612.000
53	15.0094.0958	Phẫu thuật nội soi cắt u vùng vòm mũi họng	18.615.000
54	15.0099.1001	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi	4.600.000
55	15.0128.1002	Phẫu thuật nội soi mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	6.400.000
56	15.0161.0978	Phẫu thuật nội soi tách dính dây thanh	9.500.000
57	15.0168.0966	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản (papiloma, kén hơi thanh quản,...) (gây tê/gây mê)	13.924.000
58	15.0169.0966	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản bằng dụng cụ cắt hút	11.536.000
59	15.0194.1001	Phẫu thuật cắt u sàn miệng	8.300.000
60	15.0196.1048	Phẫu thuật cắt u lưỡi phần lưỡi di động	7.289.000
61	15.0282.0945	Phẫu thuật cắt thùy nông tuyến mang tai bảo tồn dây VII	11.500.000
62	15.0283.0945	Phẫu thuật cắt tuyến mang tai có hoặc không bảo tồn dây VII	13.598.000
63	15.0285.0357	Phẫu thuật cắt tuyến giáp toàn phần	17.767.000
64	15.0286.0357	Phẫu thuật cắt tuyến giáp gần toàn phần	11.587.000
65	15.0287.0357	Phẫu thuật cắt thùy giáp	13.956.000
66	15.0288.2036	Phẫu thuật cắt môm trâm theo đường miệng	8.000.000

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ	Chi phí phẫu thuật theo yêu cầu BVTMH
67	15.0289.0940	Phẫu thuật khối u khoang bên họng	14.600.000
68	15.0291.0985	Phẫu thuật rò sống mũi	11.800.000
69	15.0380.0945	Phẫu thuật cắt tuyến mang tai có hoặc không bảo tồn dây VII sử dụng dao siêu âm/hàn mô, hàn mạch	11.500.000
70	27.0019.0962	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ u mạch máu vùng đầu cổ	34.800.000
71	15.0322.0985	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp cửa mũi trước	11.800.000
72	15.0331.1049	Phẫu thuật cắt u da vùng mặt	7.928.000
73	15.0372.0967	Phẫu thuật nội soi cắt u máu hạ họng - thanh quản bằng dao siêu âm	11.580.000

Giám đốc



Lê Trần Quang Minh

